

Số: 151/BC-ĐHHL

Ninh Bình, ngày 10 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát tình hình việc làm và đánh giá về chương trình đào tạo của sinh viên tốt nghiệp năm 2021

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

Thực hiện Kế hoạch số 124/KH-ĐHHL ngày 18/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc khảo sát tình hình việc làm và đánh giá chương trình đào tạo của sinh viên sau tốt nghiệp năm 2021, Nhà trường báo cáo kết quả khảo sát cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi

- Công tác khảo sát được tiến hành một cách nghiêm túc, theo đúng kế hoạch.
- Công tác thu thập thông tin luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Giám hiệu, sự tạo điều kiện của các đơn vị trong và ngoài Nhà trường, của cựu sinh viên.

2. Khó khăn

- Số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp phân tán ở khắp các địa phương trên toàn quốc và các lưu học sinh Lào đã về nước nên rất khó khăn trong công tác điều tra, khảo sát.
- Nhiều sinh viên sau khi ra trường đã thay đổi số điện thoại, địa chỉ liên lạc cá nhân. Địa chỉ lưu trong hồ sơ là địa chỉ gia đình, trong khi đó nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đi làm xa nhà nên rất khó khăn trong việc liên lạc.
- Số liệu chỉ mang tính chất tương đối vì một số sinh viên không thực sự quan tâm đến việc gửi phản hồi thông tin theo đề nghị.
- Công tác thu thập chủ yếu liên lạc qua đường điện thoại trực tiếp nên mất nhiều thời gian để xử lý thông tin.
- Đa phần sinh viên mới ra trường chưa ổn định công tác, vẫn còn tâm lý e ngại trong việc thực hiện các phiếu khảo sát.
- Nhiều sinh viên ngoại tỉnh nên việc thống kê địa chỉ công tác và gửi phiếu khảo sát để thu thập thông tin khó khăn, mất nhiều thời gian.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT LẤY THÔNG TIN

1. Công tác chỉ đạo điều tra, khảo sát

Nhà trường đã chỉ đạo Phòng Chính trị & Công tác học sinh, sinh viên phối hợp với các khoa khảo sát tình hình việc làm và đánh giá chương trình đào tạo của sinh viên sau tốt nghiệp từ tháng 6 năm 2021 đến trước tháng 8 năm 2021.

Thời gian tiến hành khảo sát: Từ 8/9/2022- 30/9/2022.

Chuyên viên Phòng Chính trị & Công tác sinh viên phối hợp với giảng viên các các khoa cập nhật thông tin lập danh sách (tên, lớp, năm tốt nghiệp, ngành học, địa chỉ liên lạc...) của các cựu sinh viên.

2. Tổ chức hội nghị góp ý nội dung phiếu điều tra khảo sát

- Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên có các nội dung sau:

- + Các thông tin về sinh viên: tên, lớp, năm tốt nghiệp, ngành học;
- + Tình hình việc làm hiện nay của sinh viên;
- + Mức thu nhập hiện nay của sinh viên;
- + Đánh giá của sinh viên về khả năng đáp ứng với công việc đang làm;
- + Khảo sát mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với công việc đang làm hiện nay của sinh viên;

+ Ý kiến phản hồi của sinh viên về kiến thức, kỹ năng cần được trang bị trong các chương trình đào tạo cũng như các kỹ năng cần thiết để tìm kiếm việc làm và tiếp cận công việc.

- Khảo sát đánh giá về chương trình đào tạo có các nội dung sau:

- + Về mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo.
- + Hoạt động giảng dạy của giảng viên.
- + Các hoạt động kiểm tra đánh giá.
- + Các nội dung khác, các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.
- + Các ý kiến đề xuất.

Thang đo 5 mức độ:

Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

3. Triển khai phiếu khảo sát tới sinh viên

Gửi phiếu khảo sát qua đường bưu điện (đối với sinh viên có địa chỉ làm việc cụ thể), E-mail, Facebook và thông qua Cổng thông tin điện tử Nhà trường.

Phối hợp với giáo vụ, giáo viên chủ nhiệm các khoa phòng vẫn trực tiếp sinh viên thông qua điện thoại, E-mail, Facebook,...

III. KẾT QUẢ

1. Về tình hình việc làm

1.1. Tình trạng việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Tổng số sinh viên sau tốt nghiệp: 199 sinh viên (Theo Quyết định số: 274/QĐ-ĐHHL ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân cho sinh viên hệ đại học chính quy năm 2021, Quyết định số 275/QĐ-ĐHHL ngày 26/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc công nhận tốt nghiệp và cấp cử nhân bằng cao đẳng cho SV hệ cao đẳng chính quy năm 2021; Quyết định số 290/QĐ-ĐHHL ngày 17/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc công nhận tốt nghiệp và cấp Cao đẳng cho hệ chính quy đợt 2 năm 2021)

Tổng số sinh viên đã khảo sát: 185 sinh viên đã phản hồi (Phụ lục 1-2).

Trong đó:

- Có việc làm: 163/185 sinh viên (chiếm 88.11%);
- Chưa có việc làm: 22 sinh viên (chiếm 11.89%);
- Thu nhập bình quân của sinh viên/tháng: từ 4 triệu trở lên;
- Làm đúng ngành đào tạo: 125/163 sinh viên (chiếm 76.69%);
- Làm liên quan đến ngành đào tạo: 21/163 sinh viên (chiếm 12.88%);
- Làm không liên quan đến ngành đào tạo: 17/163 sinh viên (chiếm 10.43%).

1.2. Khu vực việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Khu vực nhà nước: 88/163 sinh viên (chiếm 53.99%);
- Khu vực tư nhân: 73/163 sinh viên (chiếm 44,79 %);
- Khu vực có yếu tố nước ngoài: 1/163 sinh viên (chiếm 0.61%);
- Tự tạo việc làm: 1/163 sinh viên (chiếm 0,61%).

1.3. Tổng hợp kết quả khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp (Phụ lục 3)

2. Đánh giá về chương trình đào tạo

2.1. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo (Phụ lục 4).

2.2. Hoạt động giảng dạy của giảng viên (Phụ lục 4).

2.3. Các hoạt động kiểm tra đánh giá (Phụ lục 4).

2.4. Các nội dung khác, các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo (Phụ lục 4).

3. Các ý kiến góp ý của sinh viên sau tốt nghiệp

- Cần tăng thêm thời lượng của các học phần thực hành, môn phương pháp để rèn luyện thêm kỹ năng, nghiệp vụ nghề nghiệp thực tế.

- Đối với ngành GDTH: Nên bổ sung thêm thời lượng cho các học phần thực hành giải toán Toán – Tiếng Việt, rèn nghiệp vụ sư phạm, thời gian thực tập tại các trường.

- Đối với ngành GDMN: nên xem xét tích hợp thêm phương pháp giảng dạy theo Montessori, thời gian thực tế tại các trường Mầm non.

- Đối với ngành Kế toán: nên tăng thời lượng các môn học như nguyên lý kế toán, kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán máy,...

- Đối với ngành Việt Nam học: cần tăng thêm thời lượng thực tế chuyên môn văn hóa – du lịch, các môn học liên quan đến Văn học và Lịch sử chuyên sâu; bổ sung thêm các môn học rèn kỹ năng nghề nhà hàng – khách sạn.

Đánh giá chung:

Số liệu khảo sát thu được là tương đối đảm bảo khách quan, đáng tin cậy. Tỷ lệ sinh viên phản hồi có việc làm là tương đối cao (88.11%). Về cơ bản các sinh viên có việc làm đều đáp ứng được với yêu cầu công việc, cũng như kiến thức nghề nghiệp. Hầu hết sinh viên đều có phẩm chất đáng tin cậy, có trách nhiệm với công việc, trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật tốt. Đa số sinh viên được hỏi đều đánh giá hài lòng về chương trình đào tạo là 83.39%, hoạt động giảng dạy của giảng viên là 90.14%, hoạt động kiểm tra đánh giá là 84.05%. Các sinh viên cũng đánh giá cao cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường phục vụ hoạt động dạy và học (tỷ lệ hài lòng là 82.22%). *plur*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc Nhà trường;
- Lưu: VT, CT&CTHSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



ThS. Phạm Quang Huân



PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 157/BC-ĐHHL ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Trường Đại học Hoa Lư)

STT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SV TN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/T P)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	12	14	15	16	17	18	19
1	7140202	ĐH SP Mầm non	65	65	61	61	43	1	7	0	10	83.60	78.46	19	31	1	0	
2	7140201	ĐH SP Tiểu học	63	61	59	50	52	1	2	0	4	93.22	87.30	50	4	0	1	
3	7340301	ĐH Kế toán	43	34	40	31	15	15	4	0	6	85.00	80.95	4	30	0	0	
4	7340101	ĐH QTKD	11	4	11	4	8	2	0	0	1	90.90	90.90	9	1	0	0	
5	7310630	ĐH Việt Nam Học	10	6	7	6	1	2	4	0	0	100.00	70.00	0	7	0	0	
6	51140202	CD SP Tiểu học	7	7	7	7	6	0	0	0	1	85.71	85.71	6	0	0	0	
Tổng			199	177	185	159	125	21	17	0	22	89.24	82.22	88	73	1	1	

glen



PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 151/BC-ĐHHL ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Trường Đại học Hoa Lư)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Nữ	Số thẻ căn cước/CMND	Ngành đào tạo	Thông tin liên hệ (điện thoại, Email)	Phương thức khảo sát (Online, điện thoại, Email)	Có phản hồi
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	2152010767	Hà Thị Minh Anh	x	164662122	7140201	0394890660	Điện thoại	x
2	2152010769	Chu Thị Ngọc Bích	x	037189002498	7140201	0918395305	Online	x
3	2152010772	Đinh Thị Hồng Gấm	x	194622092	7140201	0828093247	Điện thoại	x
4	2152010774	Phạm Thị Hạnh	x	164659203	7140201	0365041516	Điện thoại	x
5	2152010775	Trần Mỹ Hạnh	x	164594928	7140201	0987460121	Điện thoại	x
6	2152010776	Đỗ Thị Thanh Hoa	x	164652136	7140201	0333976930	Điện thoại	x
7	2152010777	Hoàng Thị Thu Hoài	x	164644121	7140201	0969507199	Điện thoại	x
8	2152010778	Nguyễn Thị Huế	x	164649253	7140201	0355240522	Điện thoại	x
9	2152010780	Phạm Thị Mai Hương	x	164633722	7140201	0964338023	Online	x
10	2152010782	Lương Thị Thanh Huyền	x	037199000225	7140201	0334742547	Điện thoại	x
11	2152010783	Bùi Thị Thanh Lan	x	164620337	7140201	0353317755	Điện thoại	x
12	2152010784	Đinh Thị Mỹ Linh	x	164641986	7140201	0387756516	Điện thoại	x
13	2152010785	Đặng Thị Khánh Linh	x	037199002072	7140201	0822121115	Điện thoại	
14	2152010787	Thái Thị Hoài Mơ	x	194622088	7140201	0945164202	Online	x
15	2152010788	Lã Thị Minh Ngọc	x	164634210	7140201	0357120385	Điện thoại	x
16	2152010789	Nguyễn Hồng Nguyên	x	037199002669	7140201	0358121602	Điện thoại	x
17	2152010790	Bùi Thị Huyền Nhung	x	164662273	7140201	0984838517	Điện thoại	
18	2152010794	Đặng Thị Bảo Quyên	x	164651072	7140201	0974960428	Điện thoại	x
19	2152010795	Phùng Thị Thanh	x	037199001304	7140201	0375068826	Điện thoại	x
20	2152010796	Phạm Thị Thu Thủy	x	037199002167	7140201	0368291644	Điện thoại	x
21	2152010797	Nguyễn Thị Thủy	x	037198002347	7140201	0929225098	Điện thoại	x
22	2152010798	Trương Thị Thúy Tình	x	164653118	7140201	0363832704	Điện thoại	x

23	2152010799	Phạm Thị Trang	x	037199001914	7140201	0367487221	Điện thoại	
24	2152010800	Đào Thị Thu Trang	x	164648134	7140201	0327807746	Điện thoại	x
25	2152010801	Nguyễn Thị Trang	x	164648134	7140201	0384080958	Điện thoại	x
26	2152010802	Bùi Thị Uyên	x	164657625	7140201	0342720885	Điện thoại	x
27	2152010726	Nguyễn Thị Kim Anh	x	164643939	7140201	0396485047	Online	x
28	2152010727	Cao Hà Ngọc Anh	x	164661183	7140201	0963561725	Điện thoại	x
29	2152010728	Phạm Thị Ngọc Anh	x	164662031	7140201	0961113814	Online	x
30	2152010729	Trịnh Thị Kiều Chinh	x	037199000042	7140201	0374666528	Online	x
31	2152010730	Trần Thị Chinh	x	037198003070	7140201	0949732827	Điện thoại	
32	2152010731	Nguyễn Anh Đào	x	037159003135	7140201	0377818436	Online	x
33	2152010732	Nguyễn Thị Dinh	x	164643814	7140201	0395032654	Điện thoại	x
34	2152010733	Vũ Thị Hà	x	164652818	7140201	0977532450	Điện thoại	x
35	2152010734	Đặng Thị Hải	x	164662066	7140201	0965644907	Điện thoại	x
36	2152010735	Hà Thị Thu Hiền	x	164648823	7140201	0366657841	Online	x
37	2152010736	Phan Minh Hoa	x	152222157	7140201	0968962090	Online	x
38	2152010737	Phạm Thị Thanh Hoan	x	037199002670	7140201	0339484746	Điện thoại	x
39	2152010738	Trịnh Thị Hồng Huệ	x	164652838	7140201	0372638395	Online	x
40	2152010739	Nguyễn Hạnh Lan Hương	x	231166121	7140201	0865773602	Điện thoại	x
41	2152010740	Nguyễn Thị Hương	x	037198002562	7140201	0326376565	Điện thoại	x
42	2152010741	Nguyễn Thanh Huyền	x	164646807	7140201	0374303347	Điện thoại	x
43	2152010742	Hoàng Thị Thùy Linh	x	164649916	7140201	0358729914	Điện thoại	x
44	2152010743	Hoàng Mỹ Linh	x	037199002578	7140201	0355635191	Online	x
45	2152010744	Dương Thị Thùy Linh	x	164641989	7140201	0382549525	Điện thoại	x
46	2152010745	Ngô Thị Nhật Linh	x	037199002308	7140201	0394126058	Online	x
47	2152010746	Nguyễn Thị Hải Ly	x	164614540	7140201	0385583184	Điện thoại	x
48	2152010747	Nguyễn Thị Trà Mi	x	164657162	7140201	0979558267	Online	x
49	2152010748	Nguyễn Thị Ngọc	x	164649844	7140201	0399961931	Điện thoại	x
50	2152010749	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	x	037199000603	7140201	0963217202	Online	x
51	2152010750	Đinh Thị Nhung	x	164647972	7140201	0353426105	Điện thoại	x
52	2152010751	Hoàng Thị Phương	x	037199000861	7140201	0385399245	Điện thoại	x
53	2152010752	Phạm Thị Phụng	x	164652965	7140201	0338756101	Điện thoại	x

54	2152010753	Phạm Thị Bích Phương	x	037199000452	7140201	0945809100	Điện thoại	x
55	2152010754	Phạm Thị Như Quỳnh	x	037199002159	7140201	0974260915	Online	x
56	2152010755	Hoàng Thị Thanh	x	164643937	7140201	0365011995	Online	x
57	2152010756	Tạ Thị Thi	x	037199002563	7140201	0963472135	Điện thoại	x
58	2152010757	Nguyễn Thị Thu	x	164649613	7140201	0377895518	Điện thoại	x
59	2152010758	Nguyễn Thị Thúy	x	164653245	7140201	0363735538	Online	x
60	2152010759	Đỗ Thị Thùy	x	164644011	7140201	0342221537	Điện thoại	x
61	2152010760	Đinh Thị Kiều Trang	x	037199000170	7140201	0368609016	Online	x
62	2152010762	Vũ Thị Trang	x	038199016116	7140201	0377101341	Điện thoại	x
63	2152010763	Lê Thị Huyền Trang	x	037199008663	7140201	0976573632	Online	x
64	2152010764	Đỗ Thị Tươi	x	164644547	7140201	0965259215	Điện thoại	x
65	2152010765	Phạm Thị Vân	x	037198001295	7140201	0327155390	Online	x
66	2152020080	Trần Lan Anh	x	037198002899	7140202	0386248266	Online	x
67	2152020081	Bùi Ngọc Anh	x	037199000382	7140202	0975574863	Điện thoại	x
68	2152020082	Nguyễn Quỳnh Ánh	x	164647398	7140202	0378819389	Online	x
69	2152020083	Hứa Thị Ngọc Ánh	x	164640866	7140202	0924773193	Điện thoại	x
70	2152020084	Vũ Thị Thùy Dung	x	164659127	7140202	0962379013	Online	x
71	2152020085	Nguyễn Thị Dung	x	164656895	7140202	0965389674	Điện thoại	x
72	2152020087	Bùi Thị Giang	x	164499150	7140202	0975878031	Điện thoại	x
73	2152020088	Trần Phúc Hà		164653812	7140202	0983837318	Điện thoại	x
74	2152020089	Đinh Thu Hiền	x	037199002574	7140202	0335523912	Điện thoại	x
75	2152020091	Phạm Thị Thanh Huyền	x	164645744	7140202	0335438635	Online	x
76	2152020092	Nguyễn Thị Khánh Huyền	x	037199001252	7140202	0969676123	Online	x
77	2152020093	Lê Thị Thu Hương	x	164645747	7140202	0384788641	Điện thoại	x
78	2152020094	Nguyễn Thị Thanh Hương	x	022199001221	7140202	0866093583	Điện thoại	x
79	2152020095	Hồ Thị Hường	x	182356885	7140202	0389778075	Điện thoại	x
80	2152020096	Trần Trung Kiên		037099002358	7140202	0366643401	Điện thoại	x
81	2152020097	Trần Thị Liễu	x	037189004656	7140202	0972247476	Điện thoại	x
82	2152020098	Nguyễn Thị Thùy Linh	x	164647338	7140202	0968215314	Online	x
83	2152020099	Đinh Xuân Linh		194641186	7140202	0347575212	Điện thoại	x
84	2152020100	Vũ Bích Loan	x	164639943	7140202	0889712229	Điện thoại	x

85	2152020103	Trần Công Anh Nghĩa		241644807	7140202	0333359592	Điện thoại	x
86	2152020104	Lã Thị Ngọc	x	164652475	7140202	0981049199	Online	x
87	2152020105	Nguyễn Thị Trang Nhung	x	037194000180	7140202	0945356732	Điện thoại	x
88	2152020106	Đinh Văn Tâm		044097000902	7140202	0984836214	Điện thoại	
89	2152020107	Trần Thị Phương Thanh	x	091957716	7140202	0327564768	Điện thoại	x
90	2152020108	Phạm Thị Thanh	x	037199002671	7140202	0968078012	Online	x
91	2152020109	Bùi Phương Thảo	x	037198000270	7140202	0355008333	Điện thoại	x
92	2152020110	Trần Thị Thu	x	164652987	7140202	0336651823	Online	x
93	2152020111	Phạm Văn Thuận		037094001265	7140202	0399011999	Điện thoại	x
94	2152020112	Mai Thị Thanh Thu	x	037199002714	7140202	0822551575	Điện thoại	x
95	2152020113	Nguyễn Thị Thu Trang	x	174533634	7140202	0346920231	Điện thoại	
96	2152020114	Phạm Hồng Vân	x	037199001773	7140202	0975827380	Điện thoại	x
97	2152020115	Chu Thị Xuân	x	164643959	7140202	0978036205	Online	x
98	2152020116	Trần Thị Lan Anh	x	164579132	7140202	0981598244	Online	x
99	2152020117	Nguyễn Hà Linh Chi	x	164657271	7140202	0969674398	Điện thoại	x
100	2152020118	Nguyễn Thị Dung	x	164633565	7140202	0333610088	Online	x
101	2152020119	Đinh Trung Dũng		251195504	7140202	0333438195	Điện thoại	x
102	2152020120	Phạm Thị Duyên	x	037199002679	7140202	0967813941	Điện thoại	x
103	2152020121	Trần Hoàng Hà	x	251198734	7140202	0987620502	Điện thoại	
104	2152020122	Nguyễn Thị Thu Hiền	x	037199001325	7140202	0949169526	Điện thoại	x
105	2152020123	Nguyễn Thị Hiền	x	037199001344	7140202	0969578782	Online	x
106	2152020124	Phạm Thị Thu Hiền	x	037198000426	7140202	0399957581	Điện thoại	x
107	2152020125	Nguyễn Thị Hoài	x	037198000256	7140202	0985142635	Online	x
108	2152020126	Đinh Mai Hải Hoàng		231295430	7140202	0389523648	Điện thoại	x
109	2152020127	Hà Việt Hoàng		113698836	7140202	0332759666	Điện thoại	x
110	2152020128	Bùi Thị Huệ	x	113762044	7140202	0388870294	Điện thoại	
111	2152020129	Lưu Thị Huyền	x	231293338	7140202	0336904019	Điện thoại	
112	2152020130	Đinh Khánh Huyền	x	113730450	7140202	0913333223	Điện thoại	x
113	2152020131	Phạm Khánh Huyền	x	164656741	7140202	0369185228	Điện thoại	x
114	2152020132	KPẢ H Lan	x	231230631	7140202	0397220824	Online	x
115	2152020133	Vương Thị Thùy Linh	x	164648724	7140202	0971092427	Điện thoại	x

116	2152020134	Nguyễn Thị Linh	x	036199008603	7140202	0941026098	Điện thoại	x
117	2152020135	Bùi Thị Phương Linh	x	037199000436	7140202	0985096920	Điện thoại	x
118	2152020136	Hoàng Thị Tuyết Mai	x	164655474	7140202	0983987522	Điện thoại	x
119	2152020137	Nguyễn Thị Minh	x	164656971	7140202	0963974564	Online	x
120	2152020138	KSOR H Ngoan	x	231233121	7140202	0973396736	Online	x
121	2152020139	Lê Thị Hồng Ngọc	x	164657259	7140202	0385936290	Điện thoại	x
122	2152020140	Tô Ánh Ngọc	x	164656704	7140202	0974980332	Online	x
123	2152020141	Phạm Thị Thúy Ngọc	x	164658075	7140202	0975241485	Online	x
124	2152020143	Hoàng Lê Kim Oanh	x	231232596	7140202	0978911499	Điện thoại	x
125	2152020144	Đặng Minh Quyết		036099009388	7140202	0974124128	Điện thoại	x
126	2152020145	Trần Thị Thanh Thảo	x	251168011	7140202	0823686545	Điện thoại	x
127	2152020146	Phạm Thị Thủy	x	251195914	7140202	0353232135	Điện thoại	x
128	2152020147	Nguyễn Thị Hà Trang	x	037199001924	7140202	0982592361	Điện thoại	x
129	2152020150	Phan Nguyễn Khánh Hòa	x	037198002408	7140202	0399443445	Điện thoại	x
130	2142020402	Nguyễn Thị Bình	x	164678114	51140202	0335081710	Online	x
131	2142020404	Hoàng Thị Bích Hợp	x	037300000452	51140202	0398656517	Online	x
132	2142020405	Dương Thị Thu Hương	x	164681413	51140202	0981253103	Online	x
133	2142020406	Dương Thị Lụa	x	164652484	51140202	0968042827	Điện thoại	x
134	2142020408	Phạm Thị Sen	x	164674436	51140202	0973576836	Online	x
135	2142020411	Lương Thị Ngọc	x	164671667	51140202	0332687697	Online	x
136	2142020412	Lã Thị Sao Mai	x	037300002535	51140202	0812753626	Online	x
137	2151130201	Đinh Thị Mỹ Hà	x		7310630	0889048898	Online	x
138	2151130202	Hoàng Thị Ly	x	037199002509	7310630	0973264327	Online	x
139	2151130203	Lê Thị Nga	x	037199002507	7310630	0974748472	Online	x
140	2151130206	Nguyễn Thị Thu Trang	x	037199000343	7310630	0985341917	Online	x
141	2151130207	PASERTSAK SITTIXAY		P1789432	7310630		Điện thoại	
142	2151130208	SOUKHAPHON VANNASACK		P1761312	7310630		Điện thoại	
143	2151130209	Mahachit Phathana		P1821455	7310630		Điện thoại	
144	2151130210	Đào Hải Sơn		037095004595	7310630	0963664536	Online	x
145	2151130211	Vũ Thị Ngọc	x	037199002508	7310630	0886488862	Điện thoại	x
146	2151130212	Đinh Thị Mỹ Duyên	x	037199001464	7310630	0392344888	Online	x

147	2153010908	Phạm Thị Vân Anh	x	037199002186	7340301	0368325856	Điện thoại	x
148	2153010909	Hoàng Ngọc Ánh	x	037199000594	7340301	0396085876	Online	x
149	2153010910	Trịnh Thị Thanh Dung	x	037159000814	7340301	0973708020	Online	x
150	2153010911	Phạm Thị Thùy Dương	x	164644443	7340301	0963025157	Online	x
151	2153010913	Bùi Thị Hà	x	164624123	7340301	0973094703	Online	x
152	2153010915	Nguyễn Thị Thúy Hằng	x	164649618	7340301	0972398093	Điện thoại	x
153	2153010918	Nguyễn Thị Hương Lan	x	164644158	7340301	0858170399	Điện thoại	x
154	2153010919	Lê Thị Lan	x	037199003046	7340301	0344045873	Online	x
155	2153010920	Phạm Thế Linh		164577068	7340301	0789004789	Điện thoại	x
156	2153010922	Nguyễn Thị Minh	x	164648158	7340301	0337088469	Online	x
157	2153010923	Phạm Thị Nga	x	164630684	7340301	0398286400	Điện thoại	x
158	2153010925	Phan Thị Thanh Ngân	x	164645578	7340301	0981618241	Điện thoại	x
159	2153010926	Vũ Chính Nghĩa		037099001554	7340301	0355835736	Điện thoại	x
160	2153010928	Nguyễn Trần Thị Oanh	x	164644006	7340301	0345643791	Điện thoại	x
161	2153010929	Bùi Đình Phương		164644670	7340301	0856560689	Online	x
162	2153010930	Bùi Đức Tâm		164577376	7340301	0898712530	Online	x
163	2153010931	Bùi Thị Phương Thanh	x	037199007993	7340301	0981632864	Điện thoại	x
164	2153010935	Đinh Thị Diệu Thúy	x	037199001741	7340301	0963877895	Điện thoại	x
165	2153010936	Nguyễn Thị Thu Thủy	x	037199004641	7340301	0376998905	Online	x
166	2153010938	Nguyễn Thị Huyền Trang	x	164644629	7340301	0943142062	Online	x
167	2153010971	Nguyễn Văn Tú		164643290	7340301	0988850262	Điện thoại	
168	2153010940	Đinh Thị Ngọc Ánh	x	164644431	7340301	0367484316	Online	x
169	2153010941	Đào Xuân Chiến		164644649	7340301	0932233071	Điện thoại	
170	2153010942	Nguyễn Đức Chính		037099000479	7340301	0924856673	Điện thoại	x
171	2153010943	Lê Quang Đạo		037097003256	7340301	0943468375	Online	x
172	2153010945	Lã Hữu Đức		037099002367	7340301	0832201212	Online	x
173	2153010948	Đỗ Thị Hằng	x	037199000935	7340301	0355026690	Online	x
174	2153010949	Nguyễn Thị Hạnh	x	037199007370	7340301	0345105627	Online	x
175	2153010950	Nguyễn Khánh Hậu	x	03709900312	7340301	0395632851	Online	x
176	2153010951	Nguyễn Thị Hiền	x	037199001678	7340301	0969895915	Online	x
177	2153010953	Đinh Nga Hương	x	037197002204	7340301	0358909102	Online	x

178	2153010954	Vũ Thị Ngọc Huyền	x	037199001771	7340301	0899800163	Online	x
179	2153010955	Phạm Thanh Huyền	x	037199001701	7340301	0962840416	Online	x
180	2153010956	Ngô Thị Thanh Huyền	x	037199001455	7340301	0941632641	Điện thoại	x
181	2153010959	Trần Thùy Linh	x	164648907	7340301	0977897719	Online	x
182	2153010961	Nguyễn Thị Thùy Linh	x	037197000518	7340301	0787186713	Online	x
183	2153010962	Tạ Thị Khánh Linh	x	164643336	7340301	0967334664	Online	x
184	2153010964	Hứa Thị Hương Mơ	x	164614502	7340301	0388201212	Online	x
185	2153010967	Đinh Thanh Tùng		037099000985	7340301	0974923524	Online	x
186	2153010968	Nguyễn Thị Thơm	x	037199002756	7340301	0359375474	Online	x
187	2153010969	Ninh Thị Nguyệt	x	163448668	7340301	0345726401	Điện thoại	x
188	2153010974	Đinh Cao Trí		036099004809	7340301	0328289837	Online	x
189	2154020129	Nguyễn Văn Đạt		163439724	7340101	0971193199	Điện thoại	x
190	2154020131	Nguyễn Quang Huy		037099002687	7340101	0943417218	Điện thoại	x
191	2154020132	Nguyễn Đình Huy		022099003970	7340101	0977218544	Điện thoại	x
192	2154020133	Vũ Nhật Tân		164644801	7340101	0917696204	Điện thoại	x
193	2154020136	Yajongva Samaiphone	x	P1821491	7340101		Điện thoại	x
194	2154020137	Southivong Nilakhone	x	P1802708	7340101		Online	x
195	2154020138	Xiong Chanhly	x	P1821489	7340101		Điện thoại	x
196	2154020139	Phetpanya Sitthideth	x	P1795520	7340101		Điện thoại	x
197	2154020140	Vongvisith Ouby		P1781843	7340101		Điện thoại	x
198	2154020141	Sounthala Houmphone		P1821490	7340101		Điện thoại	x
199	2154020142	Sengchanh Nouny		PA0356309	7340101		Điện thoại	x

g l e e 12

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2021 PHẢN HỒI
(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-ĐHHL ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Trường Đại học Hoa Lư)



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc(Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
1	2152010767	Hà Thị Minh Anh	X	x							x			Ninh Bình
2	2152010769	Chu Thị Ngọc Bích	X	x						x				Ninh Bình
3	2152010772	Đinh Thị Hồng Gấm	X	x						x				Long An
4	2152010774	Phạm Thị Hạnh	X	x							x			Ninh Bình
5	2152010775	Trần Mỹ Hạnh	X	x						x				Ninh Bình
6	2152010776	Đỗ Thị Thanh Hoa	X	x						x				Ninh Bình
7	2152010777	Hoàng Thị Thu Hoài	X	x							x			Ninh Bình
8	2152010778	Nguyễn Thị Huế	X	x							x			Bình Dương
9	2152010780	Phạm Thị Mai Hương	X	x							x			Ninh Bình
10	2152010782	Lương Thị Thanh Huyền	X						x					
11	2152010783	Bùi Thị Thanh Lan	X	x							x			Ninh Bình
12	2152010784	Đinh Thị Mỹ Linh	X			x					x			Ninh Bình
13	2152010787	Thái Thị Hoài Mơ	X						x					
14	2152010788	Lã Thị Minh Ngọc	X	x							x			Ninh Bình
15	2152010789	Nguyễn Hồng Nguyên	X						x					
16	2152010794	Đặng Thị Bảo Quyên	X						x					
17	2152010795	Phùng Thị Thanh	X	x						x				Ninh Bình
18	2152010796	Phạm Thị Thu Thủy	X			x					x			Ninh Bình
19	2152010797	Nguyễn Thị Thủy	X						x					
20	2152010798	Trương Thị Thúy Tình	X	x						x				Ninh Bình

21	2152010800	Đào Thị Thu Trang	X	x					x				Ninh Bình
22	2152010801	Nguyễn Thị Trang	X	x					x				Ninh Bình
23	2152010802	Bùi Thị Uyên	X	x						x			Ninh Bình
24	2152010726	Nguyễn Thị Kim Anh	X	x						x			Ninh Bình
25	2152010727	Cao Hà Ngọc Anh	X	x					x				Ninh Bình
26	2152010728	Phạm Thị Ngọc Anh	X	x						x			Ninh Bình
27	2152010729	Trịnh Thị Kiều Chinh	X			x				x			Ninh Bình
28	2152010731	Nguyễn Anh Đào	X	x					x				Ninh Bình
29	2152010732	Nguyễn Thị Dinh	X	x						x			Ninh Bình
30	2152010733	Vũ Thị Hà	X	x						x			Ninh Bình
31	2152010734	Đặng Thị Hải	X					x					Ninh Bình
32	2152010735	Hà Thị Thu Hiền	X	x					x				Ninh Bình
33	2152010736	Phan Minh Hoa	X	x						x			Thái Bình
34	2152010737	Phạm Thị Thanh Hoan	X	x					x				Ninh Bình
35	2152010738	Trịnh Thị Hồng Huệ	X					x					
36	2152010739	Nguyễn Hạnh Lan Hương	X	x						x			Ninh Bình
37	2152010740	Nguyễn Thị Hương	X					x					
38	2152010741	Nguyễn Thanh Huyền	X	x						x			Ninh Bình
39	2152010742	Hoàng Thị Thùy Linh	X	x						x			Ninh Bình
40	2152010743	Hoàng Mỹ Linh	X	x					x				Ninh Bình
41	2152010744	Dương Thị Thùy Linh	X			x				x			Ninh Bình
42	2152010745	Ngô Thị Nhật Linh	X	x					x				Ninh Bình
43	2152010746	Nguyễn Thị Hải Ly	X	x					x				Ninh Bình
44	2152010747	Nguyễn Thị Trà Mi	X			x				x			Ninh Bình
45	2152010748	Nguyễn Thị Ngọc	X	x						x			Ninh Bình
46	2152010749	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	X	x						x			Ninh Bình
47	2152010750	Đinh Thị Nhung	X	x						x			Ninh Bình
48	2152010751	Hoàng Thị Phương	X	x						x			Ninh Bình
49	2152010752	Phạm Thị Phượng	X	x					x				Ninh Bình
50	2152010753	Phạm Thị Bích Phương	X					x					

51	2152010754	Phạm Thị Như Quỳnh	x	x						x			Ninh Bình
52	2152010755	Hoàng Thị Thanh	X			x					x		Ninh Bình
53	2152010756	Tạ Thị Thi	x	x						x			Ninh Bình
54	2152010757	Nguyễn Thị Thu	X			x				x			Hải Phòng
55	2152010758	Nguyễn Thị Thúy	x	x					x				Ninh Bình
56	2152010759	Đỗ Thị Thùy	X	x						x			Ninh Bình
57	2152010760	Đinh Thị Kiều Trang	x		x				x				Ninh Bình
58	2152010762	Vũ Thị Trang	X					x					
59	2152010763	Lê Thị Huyền Trang	x	x					x				Ninh Bình
60	2152010764	Đỗ Thị Tươi	X	x						x			Ninh Bình
61	2152010765	Phạm Thị Vân	x	x						x			Ninh Bình
62	2152020080	Trần Lan Anh	X	x					x				Ninh Bình
63	2152020081	Bùi Ngọc Anh	X	x					x				Ninh Bình
64	2152020082	Nguyễn Quỳnh Ánh	x	x					x				Ninh Bình
65	2152020083	Hứa Thị Ngọc Ánh	X	x					x				Ninh Bình
66	2152020084	Vũ Thị Thùy Dung	x	x					x				Ninh Bình
67	2152020085	Nguyễn Thị Dung	X	x					x				Ninh Bình
68	2152020087	Bùi Thị Giang	x			x				x			Ninh Bình
69	2152020088	Trần Phúc Hà		x					x				Ninh Bình
70	2152020089	Đinh Thu Hiền	x	x					x				Ninh Bình
71	2152020091	Phạm Thị Thanh Huyền	X	x					x				Ninh Bình
72	2152020092	Nguyễn Thị Khánh Huyền	x	x					x				Ninh Bình
73	2152020093	Lê Thị Thu Hương	x	x					x				Ninh Bình
74	2152020094	Nguyễn Thị Thanh Hương	x	x					x				Quảng Ninh
75	2152020095	Hồ Thị Hường	x					x					
76	2152020096	Trần Trung Kiên		x					x				Ninh Bình
77	2152020097	Trần Thị Liễu	x	x					x				Ninh Bình
78	2152020098	Nguyễn Thị Thùy Linh	X	x					x				Ninh Bình
79	2152020099	Đinh Xuân Linh				x						x	Đồng Nai
80	2152020100	Vũ Bích Loan	x	x					x				Ninh Bình
81	2152020103	Trần Công Anh Nghĩa		x					x				Thành Phố Hồ Chí Minh

82	2152020104	Lã Thị Ngọc	X	X					X				Ninh Bình
83	2152020105	Nguyễn Thị Trang Nhung	X	X					X				Ninh Bình
84	2152020107	Trần Thị Phương Thanh	X	X					X				Ninh Bình
85	2152020108	Phạm Thị Thanh	X	X					X				Ninh Bình
86	2152020109	Bùi Phương Thảo	X	X					X				Ninh Bình
87	2152020110	Trần Thị Thu	X	X					X				Ninh Bình
88	2152020111	Phạm Văn Thuần		X					X				Ninh Bình
89	2152020112	Mai Thị Thanh Thư	X	X						X			Ninh Bình
90	2152020114	Phạm Hồng Vân	X	X					X				Ninh Bình
91	2152020115	Chu Thị Xuân	X	X					X				Ninh Bình
92	2152020116	Trần Thị Lan Anh	X	X					X				Ninh Bình
93	2152020117	Nguyễn Hà Linh Chi	X	X					X				Ninh Bình
94	2152020118	Nguyễn Thị Dung	X	X					X				Ninh Bình
95	2152020119	Đinh Trung Dũng		X					X				Lâm Đồng
96	2152020120	Phạm Thị Duyên	X	X					X				Ninh Bình
97	2152020122	Nguyễn Thị Thu Hiền	X	X					X				Ninh Bình
98	2152020123	Nguyễn Thị Hiền	X	X						X			Thành phố Hà Nội
99	2152020124	Phạm Thị Thu Hiền	X	X					X				Nam Định
100	2152020125	Nguyễn Thị Hoài	X	X					X				Ninh Bình
101	2152020126	Đinh Mai Hải Hoàng		X					X				Gia Lai
102	2152020127	Hà Việt Hoàng		X					X				Hòa Bình
103	2152020130	Đinh Khánh Huyền	X	X					X				Hòa Bình
104	2152020131	Phạm Khánh Huyền	X	X					X				Ninh Bình
105	2152020132	KPẢ H Lan	X					X					
106	2152020133	Vương Thị Thùy Linh	X	X					X				Ninh Bình
107	2152020134	Nguyễn Thị Linh	X	X					X				Ninh Bình
108	2152020135	Bùi Thị Phương Linh	X					X					
109	2152020136	Hoàng Thị Tuyết Mai	X	X					X				Ninh Bình
110	2152020137	Nguyễn Thị Minh	X	X					X				Ninh Bình
111	2152020138	KSOR H Ngoan	X	X					X				Ninh Bình

112	2152020139	Lê Thị Hồng Ngọc	X	X					X				Ninh Bình
113	2152020140	Tô Ánh Ngọc	X	X					X				Ninh Bình
114	2152020141	Phạm Thị Thúy Ngọc	X	X					X				Ninh Bình
115	2152020143	Hoàng Lê Kim Oanh	X					X					
116	2152020144	Đặng Minh Quyết		X					X				Ninh Bình
117	2152020145	Trần Thị Thanh Thảo	X	X					X				Thành Phố Hồ Chí Minh
118	2152020146	Phạm Thị Thủy	X		X					X			Thành Phố Hồ Chí Minh
119	2152020147	Nguyễn Thị Hà Trang	X	X					X				Ninh Bình
120	2152020150	Phan Nguyễn Khánh Hòa	X	X					X				Ninh Bình
121	2142020402	Nguyễn Thị Bình	X	X					X				Ninh Bình
122	2142020404	Hoàng Thị Bích Hợp	X	X					X				Ninh Bình
123	2142020405	Dương Thị Thu Hương	X	X					X				Ninh Bình
124	2142020406	Dương Thị Lua	X	X					X				Ninh Bình
125	2142020408	Phạm Thị Sen	X	X					X				Ninh Bình
126	2142020411	Lương Thị Ngọc	X					X					
127	2142020412	Lã Thị Sao Mai	X	X					X				Ninh Bình
128	2151130201	Đinh Thị Mỹ Hà	X			X				X			Ninh Bình
129	2151130202	Hoàng Thị Ly	X		X					X			Ninh Bình
130	2151130203	Lê Thị Nga	X	X						X			Ninh Bình
131	2151130206	Nguyễn Thị Thu Trang	X			X				X			Ninh Bình
132	2151130210	Đào Hải Sơn				X				X			Ninh Bình
133	2151130212	Đinh Thị Mỹ Duyên	X			X				X			Ninh Bình
134	2151130211	Vũ Thị Ngọc	X		X					X			Ninh Bình
135	2153010908	Phạm Thị Vân Anh	X	X						X			Ninh Bình
136	2153010909	Hoàng Ngọc Ánh	X	X						X			Ninh Bình
137	2153010910	Trịnh Thị Thanh Dung	X	X						X			Ninh Bình
138	2153010911	Phạm Thị Thùy Dương	X		X					X			Ninh Bình
139	2153010913	Bùi Thị Hà	X		X					X			Ninh Bình
140	2153010915	Nguyễn Thị Thúy Hằng	X	X						X			Ninh Bình
141	2153010918	Nguyễn Thị Hương Lan	X		X					X			Ninh Bình
142	2153010919	Lê Thị Lan	X	X						X			Ninh Bình

143	2153010920	Phạm Thế Linh		X					X			Ninh Bình
144	2153010922	Nguyễn Thị Minh	X	X					X			Ninh Bình
145	2153010923	Phạm Thị Nga	X	X					X			Ninh Bình
146	2153010925	Phan Thị Thanh Ngân	X		X				X			Ninh Bình
147	2153010926	Vũ Chính Nghĩa				X		X				Ninh Bình
148	2153010928	Nguyễn Trần Thị Oanh	X	X					X			Ninh Bình
149	2153010929	Bùi Đình Phương		X				X				Ninh Bình
150	2153010930	Bùi Đức Tâm			X				X			Ninh Bình
151	2153010931	Bùi Thị Phương Thanh	X				X					Ninh Bình
152	2153010935	Đinh Thị Diệu Thúy	X				X					Ninh Bình
153	2153010936	Nguyễn Thị Thu Thủy	X		X				X			Ninh Bình
154	2153010938	Nguyễn Thị Huyền Trang	X			X		X				Ninh Bình
155	2153010940	Đinh Thị Ngọc Ánh	X	X					X			Ninh Bình
156	2153010942	Nguyễn Đức Chính			X				X			Ninh Bình
157	2153010943	Lê Quang Đạo			X			X				Ninh Bình
158	2153010945	Lã Hữu Đức		X					X			Ninh Bình
159	2153010948	Đỗ Thị Hằng	X				X					Ninh Bình
160	2153010949	Nguyễn Thị Hạnh	X	X					X			Ninh Bình
161	2153010950	Nguyễn Khánh Hậu	X		X				X			Vĩnh Long
162	2153010951	Nguyễn Thị Hiền	X				X					
163	2153010953	Đinh Nga Hương	X		X				X			Ninh Bình
164	2153010954	Vũ Thị Ngọc Huyền	X			X			X			Ninh Bình
165	2153010955	Phạm Thanh Huyền	X	X					X			Ninh Bình
166	2153010956	Ngô Thị Thanh Huyền	X		X				X			Ninh Bình
167	2153010959	Trần Thùy Linh	X				X					
168	2153010961	Nguyễn Thị Thùy Linh	X			X			X			Ninh Bình
169	2153010962	Tạ Thị Khánh Linh	X		X				X			Ninh Bình
170	2153010964	Hứa Thị Hương Mơ	X		X				X			Ninh Bình
171	2153010967	Đinh Thanh Tùng			X				X			Ninh Bình
172	2153010968	Nguyễn Thị Thơm	X		X				X			Ninh Bình
173	2153010969	Ninh Thị Nguyệt	X				X					

174	2153010974	Đinh Cao Trí		X						X			Ninh Bình
175	2154020129	Nguyễn Văn Đạt			X					X			Thành phố Hà Nội
176	2154020131	Nguyễn Quang Huy		X						X			Ninh Bình
177	2154020132	Nguyễn Đình Huy			X					X			Thành phố Hà Nội
178	2154020133	Vũ Nhật Tân		X						X			Ninh Bình
179	2154020136	Yajongva Samaiphone	X	X							X		Lào
180	2154020137	Southivong Nilakhone	X					X					
181	2154020138	Xiong Chanhly	X	X						X			Lào
182	2154020139	Phetpanya Sitthideth	X	X						X			Lào
183	2154020140	Vongvisith Ouby		X						X			Lào
184	2154020141	Sounthala Houmphone		X						X			Lào
185	2154020142	Sengchanh Nouny		X						X			Lào

glean



PHỤ LỤC 4

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2022 VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Báo cáo số: 157 /BC-ĐHHL ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Trường Đại học Hoa Lư)

I. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Mức độ										Tổng
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về ngành/chuyên ngành đào tạo	1	0.541	0	0	32	17.3	111	60	41	22.16	82.16
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng	1	0.541	4	2.162	26	14.1	110	59.5	44	23.78	83.24
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa, của Trường	1	0.541	3	1.622	31	16.8	106	57.3	44	23.78	81.08
4	Mục tiêu của chương trình đào tạo được công bố công khai	1	0.541	0	0	30	16.2	109	58.9	45	24.32	83.24
5	Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học	1	0.541	0	0	35	18.9	120	64.9	29	15.68	80.54
6	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và chuyên biệt mà người học cần đạt sau khi hoàn thành chương trình đào tạo (kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm)	1	0.541	2	1.081	31	16.8	99	53.5	52	28.11	81.62
7	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn của Khoa/Trường	1	0.541	1	0.541	28	15.1	105	56.8	50	27.03	83.78
8	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được triết lý giáo dục của Nhà trường	1	0.541	1	0.541	30	16.2	110	59.5	43	23.24	82.70

9	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động	1	0.541	3	1.622	30	16.2	101	54.6	50	27.03	81.62
10	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được công bố công khai	2	1.081	0	0	27	14.6	92	49.7	64	34.59	84.32
11	Bản mô tả chương trình đào tạo có đầy đủ các nội dung và được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan (tên trường, tên gọi của văn bằng, tên chương trình đào tạo; thời gian đào tạo; mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc chương trình dạy học; đề cương học phần;...)	1	0.541	0	0	27	14.6	102	55.1	55	29.73	84.86
12	Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được phổ biến công khai bằng nhiều hình thức khác nhau	1	0.541	0	0	32	17.3	105	56.8	47	25.41	82.16
13	Đề cương chi tiết môn học/học phần cung cấp đầy đủ thông tin giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của môn học	1	0.541	1	0.541	30	16.2	99	53.5	54	29.19	82.70
14	Đề cương các học phần được định kì rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của nhà trường	1	0.541	2	1.081	26	14.1	109	58.9	47	25.41	84.32
15	Triết lý giáo dục của nhà trường được thể hiện rõ trong chương trình đào tạo	1	0.541	2	1.081	23	12.4	111	60	48	25.95	85.95
16	Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm	1	0.541	3	1.622	25	13.5	102	55.1	54	29.19	84.32
17	Chương trình đào tạo có phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học đa dạng, phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra	1	0.541	1	0.541	29	15.7	94	50.8	60	32.43	83.24

[illegible]

II. Hoạt động giảng dạy của giảng viên

TT	Nội dung	Mức độ										TỔNG
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Sinh viên được giảng viên giới thiệu rõ ràng và đầy đủ về mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, nội dung học phần, phương pháp giảng dạy và học tập học phần, và cách thức đánh giá học phần.	1	0.541	0	0	11	5.95	105	56.8	68	36.76	93.51
2	Sinh viên được giảng viên giới thiệu về tài liệu phục vụ học tập học phần (Giáo trình, bài giảng, sách tham khảo)	1	0.541	0	0	14	7.57	97	52.4	73	39.46	91.89
3	Giảng viên áp dụng phương pháp dạy - học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm	2	1.081	0	0	15	8.11	111	60	57	30.81	90.81
4	Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, chú trọng phát triển kỹ năng diễn đạt, thảo luận của sinh viên trong giờ học	1	0.541	1	0.541	20	10.8	109	58.9	54	29.19	88.11
5	Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ dạy học	1	0.541	0	0	24	13	106	57.3	54	29.19	86.49
6	Giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp sinh viên chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra.	1	0.541	0	0	19	10.3	115	62.2	50	27.03	89.19
7	Giảng viên có kiến thức sâu rộng về môn học	1	0.541	0	0	18	9.73	98	53	68	36.76	89.73

[illegible]

III. Các hoạt động kiểm tra đánh giá

TT	Nội dung	Mức độ										TỔNG
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.	1	0.541	2	1.081	29	15.7	97	52.4	56	30.27	82.70
2	Giảng viên sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên	2	1.081	2	1.081	26	14.1	101	54.6	54	29.19	83.78
3	Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đa dạng, đảm bảo độ giá trị; độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng.	1	0.541	4	2.162	28	15.1	81	43.8	71	38.38	82.16
4	Đề thi, kiểm tra phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo	1	0.541	1	0.541	29	15.7	105	56.8	49	26.49	83.24
5	Kết quả thi, kiểm tra học tập được được nhà trường, giảng viên thông báo nhanh chóng, kịp thời	1	0.541	1	0.541	28	15.1	93	50.3	62	33.51	83.78
6	Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đã giúp sinh viên cải thiện được kết quả học tập(đăng ký học cải thiện điểm, học lại)	1	0.541	1	0.541	27	14.6	97	52.4	59	31.89	84.32
7	Nhà trường có quy định rõ ràng về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và được công bố công khai tới sinh viên	1	0.541	0	0	28	15.1	91	49.2	65	35.14	84.32
8	Nhà trường có quy định rõ ràng về việc phản hồi (khiếu nại) kết quả đánh giá của người học và được công bố công khai	1	0.541	1	0.541	25	13.5	102	55.1	56	30.27	85.41
9	Việc thực hiện quy trình thi, đánh giá người học nghiêm túc, đúng quy chế	1	0.541	0	0	25	13.5	94	50.8	65	35.14	85.95

10	Việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng.	1	0.541	1	0.541	26	14.1	100	54.1	57	30.81	84.86
TỔNG												84.05

IV. Các nội dung khác, các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Mức độ										TỔNG
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Các thông tin liên quan tới quá trình đào tạo được cung cấp đầy đủ kịp thời (các quy chế, quy định, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên)	1	0.541	0	0	28	15.1	102	55.1	54	29.19	84.32
2	Nhà trường phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau	1	0.541	2	1.081	28	15.1	103	55.7	51	27.57	83.24
3	Phương thức tổ chức đào tạo của Trường có tính linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho người học	1	0.541	0	0	26	14.1	111	60	47	25.41	85.41
4	Đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng và luôn cập nhật kiến thức	1	0.541	0	0	30	16.2	103	55.7	51	27.57	83.24
5	Đội ngũ giảng viên luôn khích lệ, động viên sinh viên thực hiện công việc học tập, nghiên cứu	2	1.081	1	0.541	33	17.8	94	50.8	55	29.73	80.54
6	Đội ngũ cố vấn học tập am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên	1	0.541	0	0	30	16.2	93	50.3	61	32.97	83.24
7	Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên	1	0.541	0	0	28	15.1	97	52.4	59	31.89	84.32
8	Đội ngũ giáo vụ Khoa/Bộ môn nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên	1	0.541	0	0	28	15.1	100	54.1	56	30.27	84.32
9	Nhân viên các phòng chức năng am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên	1	0.541	2	1.081	24	13	98	53	60	32.43	85.41

10	Việc xét duyệt cấp học bổng cho sinh viên được thực hiện công bằng	1	0.541	1	0.541	25	13.5	95	51.4	63	34.05	85.41
11	Có hệ thống và quy trình giám sát về sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học (Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo và quản lý khoa học, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, đội ngũ Cố vấn học tập và Giáo viên chủ nhiệm,...)	1	0.541	1	0.541	32	17.3	95	51.4	56	30.27	81.62
12	Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học và được nhà trường thông tin tới giảng viên và sinh viên	1	0.541	1	0.541	29	15.7	93	50.3	61	32.97	83.24
13	Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập	1	0.541	2	1.081	27	14.6	100	54.1	55	29.73	83.78
14	Các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, hoạt động ngoại khoá phong phú, thiết thực, có tác dụng tốt trong học tập, rèn luyện của sinh viên	1	0.541	1	0.541	28	15.1	100	54.1	55	29.73	83.78
15	Công tác chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu của sinh viên	2	1.081	4	2.162	30	16.2	88	47.6	61	32.97	80.54
16	Môi trường sinh hoạt trong khuôn viên trường an toàn, thân thiện, sạch sẽ, văn minh.	1	0.541	1	0.541	32	17.3	96	51.9	55	29.73	81.62
17	Nhà trường có đủ sân chơi, bãi tập thể dục thể thao cho sinh viên sinh hoạt	1	0.541	1	0.541	28	15.1	102	55.1	53	28.65	83.78
18	Hệ thống giảng đường, phòng học, phòng chức năng của nhà trường đầy đủ, rộng rãi, thoáng mát, thuận lợi cho việc học tập	1	0.541	3	1.622	25	13.5	110	59.5	46	24.86	84.32
19	Hệ thống máy tính, máy chiếu, mạng wifi,... hỗ trợ hiệu quả nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên	1	0.541	6	3.243	34	18.4	96	51.9	48	25.95	77.84

20	Phòng học, thí nghiệm, phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động học tập và nghiên cứu	3	1.622	5	2.703	34	18.4	99	53.5	44	23.78	77.30
21	Phòng đọc của thư viện thoáng mát, đủ ánh sáng, đáp ứng yêu cầu về diện tích, chỗ ngồi	1	0.541	4	2.162	31	16.8	103	55.7	46	24.86	80.54
22	Thư viện, phòng đọc có nội quy/quy định/hướng dẫn rõ ràng, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	1	0.541	4	2.162	34	18.4	108	58.4	38	20.54	78.92
23	Thư viện có đầy đủ học liệu gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên	1	0.541	7	3.784	29	15.7	101	54.6	47	25.41	80.00
24	Các tài liệu, học liệu (bản in, bản điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	1	0.541	3	1.622	38	20.5	96	51.9	47	25.41	77.30
25	Sinh viên có thể dễ dàng truy cập dữ liệu trên thư viện điện tử	2	1.081	4	2.162	27	14.6	104	56.2	48	25.95	82.16
26	Cán bộ phục vụ của thư viện sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn cho độc giả trong quá trình mượn – trả sách	1	0.541	4	2.162	29	15.7	102	55.1	49	26.49	81.62
TỔNG												82.22

glae